TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/11/2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Kế An.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thúy.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đặng Nhật Trường, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 454/2018/TLST–HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thu P, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh T.

Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/9/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị P trình bày: Chị với anh C chung sống vợ chồng vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, từ đó dẫn đến thường xuyên tranh cãi. Vì không muốn gia đình đổ vỡ để cho các con không thiếu thốn tình thương nên chị đã cố gắng hòa hợp để tiếp tục sống chung với nhau. Mọi thứ chị cố gắng nhưng hoàn toàn không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên chị đã ly thân với anh C từ tháng 02/2018 cho đến nay. Do mâu thuẫn

vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Bùi Tố Q, sinh ngày 19/8/1998 và cháu Bùi Trọng N, sinh ngày 17/12/2008. Chị yêu cầu được trược tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu đã thành niên nên không yêu càu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Pcó đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị P và anh C theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh C chung sống vợ chồng vào năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp. Nên pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh C.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị P, anh C có 02 người con chung tên Bùi Tố Q, sinh ngày 19/8/1999 và cháu Bùi Trọng N, sinh ngày 17/12/2008, hiện cháu N do chị P nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi cháu N của chị P thấy rằng: Cháu N do chị P nuôi dưỡng đã ổn định. Mặt khác, cháu Nghĩa đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng sống chung với chị Ph. Xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của cháu N, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu N cho chị P nuôi dưỡng.

[4] Xét, chị P không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu N nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P xác định không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh C không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Thu P và anh Bùi Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Trọng N, sinh ngày 17/12/2008 cho chị Phạm Thị Thu P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bùi Văn C không phải cấp dưỡng nuôi cháu N, do chị P không yêu cầu.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Phạm Thị Thu P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16016 ngày 25/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị P đã thi hành xong án phí.

4. Chị P, anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T
- VKSND huyện C;
- Thi hành án dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
BÍCH PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ngợi Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Ủy ban nhân dân xã Phú An, huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
BÍCH PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức